

SỞ Y TẾ AN GIANG
BỆNH VIỆN ĐA KHOA
TÂN CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:472/TB-BVTC

Tân Châu, ngày 16 tháng 4 năm 2026

THÔNG BÁO

Về mức giá thu dịch vụ khám bệnh chữa bệnh theo yêu cầu

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Thông tư số 21/2024/TT-BYT ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định phương pháp định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ theo nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 27 tháng 12 năm 2024 quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán; giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ quyết định 247/QĐ-BVTC ngày 16 tháng 3 năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa Tân Châu về việc ban hành giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại Bệnh viện Đa khoa Tân Châu;

Căn cứ biên bản họp ngày 10 tháng 4 năm 2026 tại bệnh viện Đa khoa Tân Châu;

Căn cứ công văn 404/BVTC gửi Sở Y Tế về việc kê khai giá dịch vụ khám bệnh chữa bệnh theo yêu cầu tại Bệnh viện Đa khoa Tân Châu;

Bệnh viện Đa khoa Tân Châu, xin thông báo như sau:

Bệnh viện Đa khoa Tân Châu áp dụng mức giá thu khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu được ban hành phụ lục đính kèm theo Quyết định 247 ngày 16/3/2026

Thời gian áp dụng mức giá kể từ ngày 16 tháng 04 năm 2026.

Trên đây là thông báo về mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế tại Bệnh viện Đa khoa Tân Châu

Trân trọng./.

GIÁM ĐỐC



BSCKII. Nguyễn Văn No

Tân Châu, ngày 16 tháng 4 năm 2026

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH THEO YÊU CẦU

ĐVT: đồng

Số TT	TÊN DỊCH VỤ	ĐƠN VỊ TÍNH	GIÁ YÊU CẦU
1	Công khám theo yêu cầu	Lần	60.000
2	Công khám theo yêu cầu (Khám Chuyên khoa)	Lần	60.000
3	Phẫu thuật loại 3 NGOẠI(Cắt u da đầu lạnh, đường kính dưới 5cm)	Lần	700.000
4	Phẫu thuật đặc biệt	Lần	3.000.000
5	Phẫu thuật loại I	Lần	1.800.000
6	Phẫu thuật loại II	Lần	1.600.000
7	Phẫu thuật loại 2 LCK(Phẫu thuật mộng đơn thuần)	Lần	1.000.000
8	Phẫu thuật loại 2 NGOẠI (Không gây mê và trừ các loại gây tê mô trĩ, trực tràng, hậu môn)	Lần	1.000.000
9	Phẫu thuật loại 2 RHM(Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm dưới)	Lần	1.000.000
10	Phẫu thuật loại 2 RHM (Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân)	Lần	500.000
11	Phẫu thuật loại III	Lần	1.000.000
12	Phẫu thuật loại 3 NGOẠI(Cắt u đường kính dưới hoặc bằng 2cm)	Lần	500.000
13	Phẫu thuật loại 3 RHM (Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội răng 1,2,3)	Lần	500.000
14	Phẫu thuật loại 3 RHM (Nhổ răng vĩnh viễn)	Lần	300.000
15	Thủ thuật đặc biệt	Lần	1.700.000
16	Thủ thuật đặc biệt RHM (Trích rạch áp xe nhỏ)	Lần	700.000
17	Thủ thuật khác	Lần	200.000
18	Thủ Thuật loại I	Lần	1.000.000
19	Thủ Thuật loại 1 RHM (Nhổ chân răng vĩnh viễn)	Lần	300.000
20	Thủ thuật loại 1 RHM(Nhổ răng sữa)	Lần	200.000
21	Thủ thuật loại 1 RHM (Lấy cao răng hai hàm)	Lần	400.000
22	Thủ thuật loại 2	Lần	400.000
23	Thủ thuật loại 3	Lần	300.000
24	Thủ thuật loại 1 RHM (Lấy cao răng)	Lần	200.000
25	Thủ thuật loại 2 RHM(Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glassionomer Cement (GIC)	Lần	300.000
26	Thủ thuật loại 2 RHM (Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite)	Lần	300.000
27	Thủ thuật loại 2 RHM (Trám bít hố rãnh bằng Glasslonomer Cement)	Lần	300.000
28	Thủ thuật loại 3 Ngoại (Thay băng , cắt chỉ vết mổ chiều dài <= 15cm))	Lần	150.000
29	Thủ thuật loại 3 NGOẠI (Thay băng, cắt chỉ chiều dài trên 15cm đến 30cm)	Lần	200.000

30	Thủ thuật loại 3 RHM (Thay băng, cắt chỉ vết mổ)	Lần	100.000
31	Thủ thuật loại 3 RHM (Nhỏ răng vĩnh viễn lung lay))	Lần	200.000
32	Tư vấn Tiêm ngừa	Lần	50.000
33	Tư vấn Xỏ lỗ tai cho bé gái	Lần	50.000
34	DVXNSANGLOC (TriSure3) Xét nghiệm sàng lọc trước sinh không xâm lấn NIPT	Lần	2.200.000
35	DVXNSANGLOC (BabySure) (Gói 5 bệnh)	Lần	540.000
36	Phòng 1 giường (Các khoa)	Ngày	360.000
37	Phòng 2 giường (Các khoa)	Ngày	260.000
38	Phòng 3 giường (Các khoa)	Ngày	200.000
39	Suất giải khát	Lần	10.000
40	Suất Cháo Dinh Dưỡng	Lần	20.000
41	Suất sữa dinh dưỡng	Lần	15.000
42	Suất cơm dinh dưỡng (Hộp)	Lần	30.000
43	Mặt bằng ghế bố (Các khoa)	Lần	15.000
44	Giặt ủi đồ sinh hoạt dính máu cứng	Lần	10.000
45	Giặt ủi đồ sinh hoạt thông thường	Lần	7.000
46	Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế	Lần	20.000
47	Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế	Lần	18.000
48	Sao lục hồ sơ bệnh án	Lần	160.000
49	Tư Vấn massage cho bà mẹ	Lần	50.000
50	Hội trường I	Lần	1.000.000
51	Hội trường II	Lần	2.000.000